Họ tên 姓名: _____

111初階越南語
評量試題

1.聽音檔填寫母音：(10分、每題一分共十題)

1 _____	2 _____	3 _____	4 _____	5 _____
6 _____	7 _____	8 _____	9 _____	10 _____

2.聽音檔填寫子音、複合子音：(10分、每題一分共十題)

1 _____	2 _____	3 _____	4 _____	5 _____
6 _____	7 _____	8 _____	9 _____	10 _____

LIVEWORKSHEETS

3.聽以及選出正確的子音或雙子音
Nghe và chọn từ thích hợp
(20分、每題兩分共十題)

b ph

s x

l đ

k kh

c k

h qu

ch c

tr ch

th t

m h

LIVEWORKSHEETS

4.以下句子的排列不正確、請重新排出正確句子：(10分、每題兩分共五題)

1. là / em / tên / Hùng

_____

_____

2. ơn / em / cảm / thầy

_____

_____

3. gì / tên / bạn / là / ?

_____

_____

4. cô / chào / em / xin

_____

_____

5. rất / được / em / vui / gặp

_____

_____

LIVEWORKSHEETS